

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Trái đất Chuyên ngành: Khoa học Môi trường

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Phạm Thị Thu Hà

2. Ngày tháng năm sinh: 19/03/1977; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Tình Cương, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số 51, phố Nguyễn Quý Đức, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội

Điện thoại di động: 0948813688;

E-mail: phamthithuha.hus@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 2004 đến năm 2006: cán bộ tạo nguồn giảng viên, Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Từ năm 2006 đến 10/2016: Giảng viên, trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Từ năm 11/2017-nay: Giảng viên chính, trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Từ 11/2021: Phó trưởng Bộ môn Sinh thái Môi trường, Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Từ 4/2022-nay: Trưởng Bộ môn Môi trường và Phát triển Bền vững, Trường Đại học
Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Trưởng Bộ môn Môi trường và Phát triển Bền vững, Khoa Môi trường

Chức vụ cao nhất đã qua:

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, Đại học Quốc Gia Hà
Nội.

Địa chỉ cơ quan: 334 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.38584995

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Khoa các khoa học liên ngành, Đại học
Quốc Gia Hà Nội

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết
hạn nộp hồ sơ): Khoa các khoa học liên ngành, Đại học Quốc Gia Hà Nội

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 23 tháng 06 năm 1999; số văn bằng: B126045; ngành: Khoa học
Môi trường, chuyên ngành: Công nghệ Môi trường; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước):
Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, ĐHQGHN, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 11 tháng 09 năm 2002; số văn bằng: 031002092866685; ngành:
Sinh thái Nhân Văn; chuyên ngành: Sinh thái Nhân Văn; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước):
Trường Đại học Tự Do Brussels, Vương Quốc Bỉ.

- Được cấp bằng TS ngày 22 tháng 01 năm 2015; số văn bằng: QT000864; ngành: Khoa học
Môi trường; chuyên ngành: Môi trường trong Phát triển bền vững; Nơi cấp bằng TS (trường,
nước): Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQGHN, Việt Nam.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:;
chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm ,
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học
Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa
học Trái đất – Mỏ.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nghiên cứu mưa axit và ảnh hưởng của mưa axit tới hệ sinh thái.

- Đánh giá chất lượng môi trường dựa vào phương pháp chỉ số và mô hình hoá môi trường

- Nghiên cứu sự biến đổi môi trường và hệ sinh thái dưới tác động của Biến đổi khí hậu và
các hoạt động phát triển.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 01 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 08 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 02 đề tài cấp trường Đại học Khoa học Tự nhiên; 04 đề tài cấp Đại học Quốc gia Hà Nội; 01 đề tài nhánh thuộc đề tài cấp Nhà nước.
- Đã công bố 64 bài báo và báo cáo khoa học toàn văn, trong đó có 11 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI/Scopus);
- Đã được cấp 01 bằng độc quyền giải pháp hữu ích (đồng tác giả);
- Số lượng sách đã xuất bản: 01 sách chuyên khảo (đồng tác giả) và 01 chương sách (đồng tác giả) thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Kỷ niệm chương vì Sự nghiệp Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường (2020);
- Danh hiệu Giảng viên xuất sắc của trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội (2020);
- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học 2019-2020; năm học 2020-2021.
- Giấy khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên về thành tích hướng dẫn sinh viên NCKH giải nhất cấp Trường (2019) và quyết định khen thưởng hướng dẫn sinh viên NCKH giải nhì cấp ĐHQG (2019)
- Bằng khen của hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, 2015.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

a) Tiêu chuẩn nhà giáo (giảng viên)

Bản thân ứng viên tự đánh giá theo tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo giảng dạy tại trường Đại học và nhận thấy đã đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn nhà giáo về tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ giảng viên tại trường Đại học, cụ thể:

- Luôn giữ vững phẩm chất và đạo đức của một nhà giáo. Có lối sống lành mạnh, nghiêm túc. Sống chan hòa, nhân ái, có quan hệ đúng mực với đồng nghiệp, những người xung quanh và học trò. Luôn có thái độ chân thành, học hỏi, có ý thức hợp tác, chia sẻ trong công việc và chuyên môn. Nhiệt tình, tích cực trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên, học viên sau đại học trong học tập và nghiên cứu khoa học.
- Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp;
- Có lý lịch bản thân rõ ràng, lập trường và lý tưởng sống vững vàng và lành mạnh;
- Ứng viên được đào tạo bài bản, đạt trình độ chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước đó, ứng viên cũng tích cực tham gia các khoá đào tạo bồi dưỡng và đã được cấp chứng chỉ “nghệ vụ sư phạm đại học” tháng 01/2015, Chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chứng danh nghề nghiệp Giảng viên chính hạng II” và được Trường ĐH KHTN bổ nhiệm chức danh Giảng viên chính vào tháng 11/2017, chứng nhận “Hoàn thành chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chứng danh nghề nghiệp Giảng viên cao cấp hạng I” tháng 4/2021.

b) Nhiệm vụ nhà giáo (giảng viên)

- Về hoạt động đào tạo:

+ Hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên theo quy định hiện hành: thực hiện đủ và vượt số giờ chuẩn quy đổi theo đúng quy định chế độ làm việc đối với giảng viên của Đại học Quốc gia Hà Nội và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

+ Tích cực hướng dẫn sinh viên và học viên sau đại học thực hiện nghiên cứu và hoàn thành tốt chương trình đào tạo. Tham gia các Hội đồng đánh giá khoá luận, luận văn, luận án cho bậc đại học và sau đại học.

+ Tham gia trong công tác tự đánh giá chương trình đào tạo cử nhân Khoa học Môi trường; tham gia điều chỉnh các chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học của Khoa Môi trường.

- Về nghiên cứu khoa học: liên tục, tích cực tham gia nghiên cứu và thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ. Quá trình triển khai các nhiệm vụ khoa học đã hỗ trợ cho đào tạo sinh viên và học viên sau đại học, cũng như cung cấp những dẫn liệu, thông tin và công bố khoa học làm tài liệu tham khảo hoặc ứng dụng tốt cho các nhà khoa học, người học và cộng đồng. Bên cạnh đó, ứng viên tham gia tổ chức các hội nghị, hội thảo về khoa học trong nước và quốc tế, tham gia ban biên tập tạp chí quốc tế uy tín ISI, phản biện các bài báo trong và ngoài nước.

- Về thực hiện các nhiệm vụ khác:

+ Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

+ Không ngừng học tập để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý, tin học và ngoại ngữ nhằm phục vụ công tác đào tạo, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý.

+ Thực hiện tốt mọi nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017			01	03	113	56,5	169,5/384,8/229,5
2	2017-2018			03	01	232	36	268/582/229,5

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

3	2018-2019				03	246	18	264/466/229,5
03 năm học cuối								
4	2019-2020			03	05	286	103,5	389,5/794,7/229,5
5	2020-2021			01	03	238	89	327/583,7/229,5
6	2021-2022		01		04	171,5	55,5	227/502,3/229,5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: Vương Quốc Bỉ năm 2002.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh.

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Khoa học Tự Nhiên, ĐHQGHN, Việt Nam.

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2 theo khung tham chiếu Châu Âu (do trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội cấp).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Phayvanh Phanthachith	x			x	2017-2020	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	28/02/2022

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2	Trần Minh Tiến		x	x		2014-2016	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	20/03/2017
3	Lê Tuấn Sỹ		x	x		2014-2016	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	10/04/2018
4	Bùi Năng Kha		x	x		2014-2016	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	10/04/2018
6	Đỗ Hồng Trường		x	x		2015-2017	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	10/04/2018
5	Bùi Thị Nhẹ		x	x		2016-2018	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	21/12/2020
7	Ngô Văn An		x	x		2017-2019	Khoa các Khoa học liên ngành, ĐHQG HN	31/12/2020
8	Nguyễn Văn Tấn		x	x		2017-2019	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	22/05/2020
9	Chữ Bá Hùng		x	x		2018-2020	Trường ĐH KHTN, ĐHQGHN	30/12/2021

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Hướng dẫn đánh giá chất lượng môi trường không khí, nước và đất bằng chỉ số đơn lẻ và chỉ số tổng hợp	CK	Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam, 2015	05	Phạm Ngọc Hồ	Tham gia biên soạn mục 2 gồm 2.1; 2.2 (từ trang 61 đến trang 76) và mục 2.3.4 (từ trang 88 đến trang 99)	Số 296 QĐ-ĐHKHTN, ngày 29/6/2022 của Trường ĐHKHTN

2	Recent Technologies for Disaster Management and Risk Reduction. Sustainable Community Resilience & Responses	CK	Springer, 2021	06	Praveen Kumar Rai; Prafull Singh; Varun Narayan Mishra	Tham gia biên soạn chương sách: “The Geography of Climate Change Adaptation in the Vietnam Northern Mountains: A Quantitative Analysis for Intentions of Indigenous Ethnic Minorities Using Structural Equation Modeling (SEM) and Protection Motivation Theory (PMT); p. 275-291”
---	--	----	----------------	----	--	--

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: [],.....

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

a. Các nhiệm vụ khoa học chủ trì/ thư ký đã hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Bước đầu nghiên cứu đánh giá tiềm năng bền vững về môi trường của khu vực quận Thanh Xuân"	CN	TN-05-24, Đại học Khoa học Tự nhiên	11 tháng (1/2005-12/2005)	Ngày họp HĐ nghiệm thu: 20/4/2006 Xếp loại: Tốt
2	Bước đầu đánh giá hiện trạng lắng đọng axit ở khu vực Hà Nội và Hoà Bình"	CN	QT-07-55; Đại học Quốc gia Hà Nội	12 tháng (4/2007-4/2008)	Ngày họp HĐ nghiệm thu: 12/9/2008 Xếp loại: Tốt
3	Bước đầu nghiên cứu đánh giá về phát thải và lắng đọng axit ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Việt Nam"	CN	QT-09-59, Đại học Quốc gia Hà Nội	12 tháng (4/2009-4/2010)	Ngày họp HĐ nghiệm thu: 27/4/2010 Xếp loại: Tốt

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

4	Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng lắng đọng axit và bước đầu đánh giá khả năng ảnh hưởng của nó tới một số hệ sinh thái ở Hải Dương”	CN	TN-10-53, Đại học Khoa học Tự nhiên	24 tháng (6/2010-6/2012)	Ngày họp HĐ nghiệm thu: 1/7/2012 Xếp loại: Tốt
II Sau khi được công nhận TS					
1	Nghiên cứu biến động đa dạng sinh học hệ sinh thái bởi tác động của khai thác đá làm vật liệu xây dựng tại Hoà Bình	CN	05/NĐT.04.GER/15 (Đề tài nhánh cấp Nhà nước)	12 tháng (7/2017-6/2018)	Ngày họp HĐ nghiệm thu: 15/06/2018/ Xếp loại: Tốt
2	Nghiên cứu tác động của mưa axit đến tính chất đất, quá trình phát triển và năng suất của cây đậu tương (<i>Glycine max</i>) ở miền núi: Lấy ví dụ tại tỉnh Hòa Bình và đề xuất các giải pháp thích ứng	CN	QG.16.20, Đại học Quốc gia Hà Nội	24 tháng (4/2016-4/2018)	Ngày họp HĐ nghiệm thu: 21/02/2020 Xếp loại: Tốt
3	Xây dựng mô hình tính toán sự lan truyền chất ô nhiễm từ các bãi rác thải sinh hoạt chôn lấp	CN	QMT.20.02, Đại học Quốc gia Hà Nội	24 tháng (7/2020-7/2022)	Ngày họp HĐ nghiệm thu: 27/12/2021 Xếp loại: Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

b. Các nhiệm vụ khoa học tham gia với tư cách thành viên chính đã hoàn thành

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện
1	Nghiên cứu đánh giá tổng thể ảnh hưởng sức khỏe và thiệt hại kinh tế do ô nhiễm không khí đô thị gây ra ở Thanh Hóa	Sở TN&MT tỉnh Thanh Hoá	2008-2009
2	Kiểm kê phát thải các chất ô nhiễm không khí từ nguồn dân sinh trên địa bàn thành phố Hà Nội và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm	Sở khoa học công nghệ Hà Nội	2010-2011
3	Quy hoạch mạng lưới điểm quan trắc môi trường tỉnh Hòa Bình	Sở TN&MT tỉnh Hòa Bình	2011-2012
4	Xây dựng bộ chỉ số chất lượng môi trường tổng hợp đối với từng thành phần: Không khí, nước và đất, phục vụ công tác giám sát và quản lý môi trường	Đại học Quốc Gia Hà Nội	2011-2013
5	Cơ sở khoa học cho xây dựng bộ chỉ số phát triển bền vững: lấy ví dụ tỉnh Thái Bình, Việt Nam	Quỹ Nafosted	2011-2013
6	Quản lý khai thác Tài nguyên Khoáng sản Tỉnh Hòa Bình – một Đóng góp cho Phát triển Bền vững tại Việt Nam. Đề tài Nghị định thư với Đức	Bộ Khoa học Công Nghệ	2015-2018

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
Tạp chí quốc tế								
1	Determination of the emission factors from burning common domestic cooking fuels in Vietnam and its application for calculation of their pollution load	9		<i>EnvironmentAsia/</i> ISSN 1906-1714	Scopus (Q3)	3	Vol. 6, no. 1, p 45-50	2013
2	A System of Sustainability Indicators for the Province of Thai Binh, Vietnam	8		<i>Social Indicators Research/</i> P-ISSN 0303-8300; E-ISSN 1573-0921	ISI (IF ₂₀₂₀ = 2.614, Q1)	23	Vol. 116, no. 3, p. 661-679	2014
Tạp chí quốc gia								
3	Hiện trạng và công nghệ xử lý nước thải thích hợp cho cơ sở sản xuất bia 254 Minh Khai – Công ty bia Việt Hà	2	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Thông báo khoa học của các trường Đại học. Khoa học Môi trường/</i> ISSN.0868.3034			tr. 70-73	2000
4	Assessing the suspended dust dispersion into coal mines surrounding areas in Quang Ninh province	1	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Youth Union's Scientific Journal, Hanoi University of Science, Vietnam National University</i>			p. 74-80	2007
5	Bước đầu đánh giá sự lắng đọng axit ở khu vực Hà Nội và Hoà Bình	1	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/</i> ISSN 0866-8612			Tập 24, số 1S, tr. 49-55	2008
6	Nghiên cứu sử dụng mô hình ISC3 trong đánh giá ô nhiễm môi trường không khí ở Hà Nội do các nguồn thải công nghiệp	4		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/</i> ISSN 0866-8612			Tập 26, số 5S, tr. 673-677	2010

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7	Đánh giá hiện trạng mưa axit ở một số khu vực thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc Việt Nam (Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Quảng Ninh)	3	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 26, số 5S, tr.710-718	2010
8	So sánh lượng phát thải chất tiền axit và tổng lượng lắng đọng axit ở khu vực Hà Nội	3	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 26, số 5S, tr. 719-724	2010
9	Kiểm kê phát thải nguồn giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội	10		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 26, số 5S, tr.739-747	2010
10	Ước tính phát thải ô nhiễm không khí từ nguồn dân sinh ở thành phố Hà Nội	9		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 26, số 5S, tr. 748-754	2010
11	Xác định hệ số phát thải của các chất ô nhiễm không khí từ nguồn dân sinh ở Việt Nam	10		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 26, số 5S, tr. 755-761	2010
12	Những vấn đề về thiệt hại và bồi thường thiệt hại do ô nhiễm không khí	4		<i>Tạp chí Môi trường, Tổng cục Môi trường/ ISSN 1859-042X</i>			Tập 9, tr. 48-52	2011
13	Đánh giá hiện trạng mưa axit tỉnh Ninh Bình	4	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 27, số 5S, tr. 45-52	2011
14	Đánh giá tổng lượng lắng đọng axit ở một số khu vực thuộc đồng bằng sông Hồng, Việt Nam (Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng, Ninh Bình)	2	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 27, số 5S, tr. 53-60	2011
15	Đánh giá khả năng ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến sức khỏe cộng đồng quận Hai Bà Trưng và Ba Đình, Hà Nội	3		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 27, số 5S, tr. 282-290	2011
16	Nghiên cứu ảnh hưởng của mưa axit đến cường độ quang hợp, hàm lượng	3	X	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công</i>			Tập 28, số 4S,	2012

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	Chlorophyll và cường độ thoát hơi nước của đậu Cô ve (<i>Phaseolus vulgaris</i> L.) ở tỉnh Hải Dương		(tác giả đầu và liên hệ)	nghệ/ ISSN 0866-8612			tr. 45-52	
17	Mô hình tính toán tối ưu thiết lập trên cơ sở lý thuyết hàm ngẫu nhiên để lập quy hoạch mạng lưới quan trắc chất lượng không khí thành phố Hà Nội đến năm 2020 và định hướng đến 2030	7		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 28, số 4S, tr. 68-76	2012
18	Xây dựng phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu và đánh giá hiện trạng lắng đọng axit ở vùng đồng bằng sông Hồng Việt Nam	3	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 29, số 3S, tr. 56 – 62	2013
19	Nghiên cứu ảnh hưởng của mưa axit mô phỏng đến một số chỉ tiêu sinh trưởng của đậu cô ve (<i>Phaseolus vulgaris</i> L.) ở tỉnh Hải Dương	3	X (tác giả đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 29, số 3S, tr. 69-74	2013
20	Xây dựng biến trình năm của chỉ số ô nhiễm tổng cộng từ chuỗi số liệu liên tục năm 2011 tại trạm quan trắc không khí tự động Nguyễn Văn Cừ Hà Nội	5		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ ISSN 0866-8612</i>			Tập 29, số 3S, tr. 94-99	2013
Báo cáo khoa học hội nghị quốc tế, quốc gia								
21	Quy hoạch mạng lưới điểm quan trắc và phân tích môi trường tỉnh Hoà Bình	6		<i>Tuyển tập các báo cáo khoa học tại hội nghị môi trường toàn quốc 2005, Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>			tr. 75-84	2005
22	Quy hoạch môi trường khu vực Sặt huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương	8		<i>Tuyển tập các báo cáo khoa học tại hội nghị môi trường toàn quốc 2005, Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>			tr. 85-91	2005
23	Các đặc trưng thống kê theo thời gian của một số yếu tố môi trường không khí tại nội thành Hà Nội	7		<i>Tuyển tập các báo cáo khoa học tại hội nghị môi trường toàn quốc 2005, Bộ Tài nguyên và Môi trường</i>			tr. 356-366	2005
24	Đánh giá tính biến động của ôzôn mặt đất tại nội thành Hà Nội năm 2004	7		<i>Tuyển tập các báo cáo khoa học tại hội nghị môi trường toàn quốc</i>			tr. 367-375	2005

				2005, Bộ Tài nguyên và Môi trường				
25	Đánh giá tình hình thu gom rác thải sinh hoạt và vai trò của phụ nữ tại thành phố Lạng Sơn	4	X (tác giả đầu và liên hệ)	Kỷ yếu hội thảo Quản lý và Phát triển Bền vững Tài nguyên Miền núi, Tập II, Nhà xuất bản Nông nghiệp			tr. 79-94	2006
26	Cơ sở khoa học và phương pháp luận Quy hoạch Môi trường. Ứng dụng lập Quy hoạch Môi trường tỉnh Hải Dương, 2006 – 2020	9		Tuyển tập báo cáo hội nghị khoa học Công nghệ Môi trường-Nghiên cứu và ứng dụng, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam			tr. 18-23	2007
27	Sử dụng phương pháp Delphi trong nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tại khu vực ven biển huyện Thái Thụy, Thái Bình	5		Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Địa lý toàn quốc lần thứ 6, thành phố Huế. NXB Khoa học và Công nghệ			tr. 731-745	2012
28	Sử dụng phương pháp Delphi trong nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hệ sinh thái nông nghiệp tại huyện Tiền Hải, Thái Bình	4	X (tác giả liên hệ)	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia: Nâng cao sức chống chịu trước biến đổi khí hậu. NXB Khoa học và Kỹ thuật			tr. 433-445	2013
II	Sau khi được công nhận TS							
	Tập chí quốc tế							
29	Farmers' Intention to Climate Change Adaptation in Agriculture in the Red River Delta Biosphere Reserve (Vietnam): A Combination of Structural Equation Modeling (SEM) and Protection Motivation Theory (PMT)	11		<i>Sustainability/</i> ISSN 2071-1050	ISI (IF ₂₀₂₀ = 3.251, Q2)	23	Vol. 11, no. 10, p. 2993	2019
30	A Hybrid Approach Using Fuzzy AHP-TOPSIS Assessing Environmental Conflicts in the Titan Mining Industry along Central Coast Vietnam	10		<i>Applied Sciences/</i> ISSN 2076-3417	ISI (IF ₂₀₂₀ = 2.679, Q1)	17	Vol. 9, no. 14, p. 2930	2019
31	Stakeholder Delphi-perception analysis on impacts and responses of acid rain on agricultural	4	X (tác giả đứng đầu)	Environment, Development and Sustainability/ P-ISSN 1387-585X; E-ISSN 1573-2975	ISI (IF ₂₀₂₀ = 3.219, Q2)	5	Vol. 22, p. 4467-4493	2020

	ecosystems in the Vietnamese upland							
32	Land Improvement Solutions: Afforestation and Planting Fruit Trees and Short-Term Crops after Mine Closure in Luong Son District, Hoa Binh Province, Vietnam	6		<i>Applied and Environmental Soil Science/</i> ISSN 1687-7667	Scopus (Q2)	1		2020
33	Application of relative air pollution index (RAPI)—a new method for aggregate assessment of current air pollution in Cam Pha coal mining area, Quang Ninh province, Vietnam	5		<i>Environmental Monitoring and Assessment/</i> P-ISSN 0167-6369; E-ISSN 1573-2959	ISI (IF ₂₀₂₀ = 2.513, Q2)	1	Vol. 192, no. 7	2020
34	Application of Daily Air Pollutant Index Forecasting Model Based on Semi-Empirical Statistical Theory: Case Study in Hanoi, Vietnam	7	X (tác giả đứng đầu)	<i>EnvironmentAsia/</i> ISSN 1906-1714	Scopus (Q3)	1	Vol. 13, no. 2, p. 15-30	2020
35	The effect of urbanization on temperature trend in some regions across Vietnam during the past decade	2	X (tác giả đứng đầu)	<i>International Journal of Environmental Science and Development/</i> P-ISSN 2010-0264	Scopus (Q4)		Vol. 11, no. 9, p. 419-424	2020
36	Impacts of Simulated Acid Rain on the Growth and the Yield of Soybean (<i>Glycine max</i> (L.) Merr.) in the Mountains of Northern Vietnam	4	X (tác giả đứng đầu)	<i>Sustainability/</i> E-ISSN 2071-1050	ISI (IF ₂₀₂₁ = 3.889, Q2)	1	Vol. 13, no. 9, p. 4980	2021
37	Impact of simulated acid rain on the growth of three species <i>Brassica integrifolia</i> , <i>Brassica rapa</i> , <i>Brassica juncea</i> in Hanoi, Vietnam	5	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Environmental Science and Pollution Research/</i> E-ISSN 1614-7499	ISI (IF ₂₀₂₀ = 4.223, Q1)		Vol. 29, p. 42090–42101	2022
Tạp chí quốc gia								
38	Đánh giá hiệu quả hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Bến En, tỉnh Thanh Hóa dựa trên cách tiếp cận phát triển bền vững	3	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ISSN 0866-8612</i>			Tập 31, số 2S, tr. 80-87	2015
39	Đánh giá chất lượng nước mặt huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ bằng chỉ số chất	3	X (tác giả đứng đầu)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học</i>			Tập 31, số 2S,	2015

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	lượng nước tổng cộng (TWQI)		đầu và liên hệ)	<i>Tự nhiên và Công nghệ/ISSN 0866-8612</i>			tr. 95-103	
40	Ứng dụng chỉ số tổng hợp để đánh giá mức độ ô nhiễm không khí xung quanh tại trạm quan trắc phân tích tự động Nguyễn Văn Cừ, Hà Nội	6		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ISSN 0866-8612</i>			Tập 31, số 2S, tr. 132-138	2015
41	Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) theo dõi chất lượng môi trường đất tỉnh Điện Biên	13		<i>Tạp chí Khoa học đất/ISSN 2525-2216</i>			Số 49, tr. 115-119	2016
42	Cơ sở thông tin dữ liệu hiện trạng môi trường phục vụ công tác nghiên cứu và quản lý (trường hợp nghiên cứu: nguồn gây ô nhiễm môi trường đất tỉnh Hòa Bình)	9		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ/ISSN 0866-8612</i>			Tập 32, số 1, tr. 94-98	2016
43	Đánh giá diễn biến mưa axit ở tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2000-2014	5	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 0866-8612</i>			Tập 32, số 1S, tr. 102-109	2016
44	Đánh giá chất lượng đất khu vực khai thác vật liệu xây dựng cho 3 loại mỏ điển hình (đá vôi, đá bazan và đất sét) tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	4		<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 0866-8612</i>			Tập 32, số 1S, tr. 155-163	2016
45	Phân tích các đặc trưng cơ bản các hệ sinh thái huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	4	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 0866-8612</i>			Tập 32, số 1S, tr. 384-391	2016
46	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của mưa axit đến sự thay đổi một số tính chất lý hóa học của đất trồng cây đậu tương (<i>Glycine max</i> (L.) Merr.) ở huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình	4	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/ISSN 2588-1094</i>			Tập 33, số 1S, tr. 163-171	2017
47	Đánh giá mức độ sự hài lòng về dịch vụ du lịch thân thiện với môi trường ở huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn, Lào	3		<i>Tạp chí Tài nguyên và Môi trường/ISSN 1859-1477</i>			Tập 6, số 332, tr. 46-48	2020

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

48	Đánh giá thực trạng tác động của các loại hình du lịch đến môi trường tại huyện Văng Viêng, tỉnh Viêng Chăn, Lào- Kinh nghiệm cho một số vùng nông thôn Việt Nam	3		<i>Tạp chí Môi trường/</i> ISSN 2615-9597			Tập 1, tr. 65-71	2020
49	Application of relative water quality index (REWQI) - a new method for aggregate water quality assessment: case study in Hanoi, Vietnam	7	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí phân tích Hóa, Lý và Sinh học/</i> ISSN 0868-3224			Tập 26, số 3A, tr. 239-245	2021
50	Evaluating the potential of aquaculture in the Hoa Binh reservoir with carrying capacity and water quality indices	6		<i>Vietnam Journal of Science, Technology and Engineering/</i> P-ISSN 2525-2461; E-ISSN 2615-9937			Vol. 63, no. 4, p. 66-71	2021
51	Nghiên cứu tính axit và khả năng trung hoà axit của các ion trong thành phần hoá học nước mưa	4		<i>Tạp chí Khoa học: Các Khoa học Trái đất và Môi trường/</i> P-ISSN 2615-9279; E-ISSN 2588-1094			Tập 37, số 2, tr. 98-106	2021
52	Phân tích nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động nuôi cá lồng ở vùng hồ thủy điện Hoà Bình	2	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn/</i> ISSN 2354-0648			Tập 33, số 2, tr. 71-80	2021
53	Ứng dụng lý thuyết bán thực nghiệm để tính toán lan truyền chất ô nhiễm không khí phát thải từ bãi rác chôn lấp huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình	2		<i>Tạp chí Môi trường/</i> ISSN 2615-9597			tr. 18-21	2021
54	Đánh giá chất lượng môi trường không khí xung quanh khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, Hải Phòng	2	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Môi trường/</i> ISSN 2615-9597			tr. 32-36	2021
55	Đánh giá rủi ro sức khoẻ của ô nhiễm không khí từ khu liên hợp xử lý chất thải rắn Trảng Cát, Hải Phòng	1	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Tạp chí Nghiên cứu Địa lý nhân văn/</i> ISSN 2354-0648			Tập 4, số 35, tr. 49-55	2021
56	Đánh giá sự lan truyền ô nhiễm không khí từ khu xử	2	X (tác giả đứng	<i>Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Thái nguyên/</i> P-ISSN			Tập 227, số 08, tr.	2022

	lý chất thải rắn Đình Vũ, Hải Phòng		đầu và liên hệ)	1859-2171; E-ISSN 2734-9098			467-474	
Báo cáo khoa học hội nghị quốc tế, quốc gia								
57	Assessment of the effects of climate change on cropping system in Yen Thuy district, Hoa Binh province	3	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Proceedings of the 4th International Conference on Engineering Mechanics and Automation – ICEMA4, Vietnam National University Press, Hanoi/ ISBN - 978-604-62-8730-8</i>			p. 49-56	2016
58	Assessment of air environmental quality and its effects on the health status of the workers in Nui Beo Coal Joint Stock Company, Quang Ninh province	3	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Proceedings of the 4th International Conference on Engineering Mechanics and Automation – ICEMA4, Vietnam National University Press, Hanoi/ ISBN - 978-604-62-8730-8</i>			p. 57-63	2016
59	Research on the biodiversity variation of ecosystems in Luong Son district, Hoa Binh province by the impacts of mining for building materials production	2		<i>International Conference on Environment and Sustainable Development in Mineral Resource Extraction. Publishing House for Science and Technology/ ISBN:978-604-913-623-8</i>			p. 113-121	2017
60	Study on the scientific basis and propose solutions to recover the vegetation after mineral resources extraction for construction materials production in Luong Son district, Hoa Binh province	2	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>International Conference on Environment and Sustainable Development in Mineral Resource Extraction. Publishing House for Science and Technology/ISBN:978-604-913-623-8</i>			p. 122-133	2017
61	Chapter: A Stakeholder Delphi Study on the Adaptive Capacity of Local Communities to Climate Change in the Coastal Area: Case Study in An Duong	1	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	<i>Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies Vol. 2. Proceedings of</i>			p. 775-792	2021

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	District (Hai Phong, Vietnam)			EDESUS 2019/ ISBN 978-3-030-81442-7; ISBN 978-3-030-81443-4				
62	Nghiên cứu đánh giá mức độ bền vững về khía cạnh sinh thái tại thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định bằng phương pháp đánh giá tính bền vững cộng đồng	4	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia: Tài nguyên thiên nhiên và tăng trưởng xanh. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội			tr. 248-262	2015
63	Ứng dụng mô hình DPSIR để đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt ở xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2014	2	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia lần thứ III: Môi trường và phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu. NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ		1	tr. 516-530	2015
64	Tác động của mưa axit tới hệ thống cây trồng nông nghiệp của Việt Nam và châu Á	1	X (tác giả đứng đầu và liên hệ)	Chuỗi giá trị và thương mại ngành hàng nông lâm sản Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khủng hoảng sinh thái. NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội/ISBN: 978-604-369-407-9	Kỷ yếu hội thảo quốc gia, xuất bản dạng sách		tr. 512-531	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 05, số thứ tự là 31, 34, 35, 36, 37.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
----	--	-----------------	--------------------	-----------------------------	------------

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

1	Bằng độc quyền giải pháp hữu ích: Phương pháp quản lý và giám sát bộ chuyển đổi công suất cho thiết bị điện gió	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ khoa học và công nghệ	13/01/2022	Đồng tác giả	04
---	---	--	------------	--------------	----

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

Ứng viên đã tham gia xây dựng nội dung môn học cho khung chương trình đào tạo tại Khoa Môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên; cụ thể: chương trình đào tạo bậc cử nhân ngành Khoa học Môi trường hệ chuẩn và tiên tiến; tham gia điều chỉnh chương trình đào tạo cử nhân Khoa học Môi trường và Công nghệ kỹ thuật môi trường hệ chuẩn, chất lượng cao, tiên tiến; đang tham gia điều chỉnh chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Môi trường đất và nước; chuyên ngành Kỹ thuật môi trường; chuyên ngành Khoa học Môi trường; Chương trình đào tạo Thạc sỹ chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững (định hướng nghiên cứu); chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững (định hướng ứng dụng); chuyên ngành Khoa học Môi trường.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng
ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:
.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

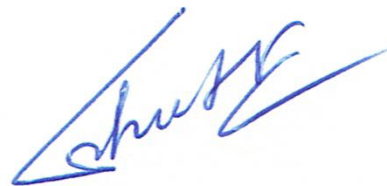
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Thu Hà